

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 3	Lũy kế	Quý 3	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	276.594.213.599	565.754.898.005	231.940.428.209	707.355.755.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	930.339.798	1.094.899.882	614.154.985	922.363.421
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	275.663.873.801	564.659.998.123	231.326.273.224	706.433.392.413
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	191.231.103.966	379.109.100.958	(26.363.786.042)	252.652.342.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.432.769.835	185.550.897.165	257.690.059.266	453.781.049.594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	19.493.466.820	56.841.192.254	30.039.197.003	80.091.782.988
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	17.082.619.907	55.899.171.910	6.418.654.967	25.423.273.182
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.660.942.052	26.535.630.754		
8. Chi phí bán hàng	24		20.992.908.950	50.850.487.881	13.700.847.108	39.984.289.968
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.898.482.051	49.320.083.094	19.048.707.974	57.398.018.514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.952.225.747	86.322.346.534	248.561.046.220	411.067.250.918
11. Thu nhập khác	31	VI.7	63.917.373.500	65.974.947.595	70.263.101.572	71.550.197.157
12. Chi phí khác	32		1.804.536.933	5.283.319.476	644.369.367	1.687.140.121
13. Lợi nhuận khác	40		62.112.836.567	60.691.628.119	69.618.732.205	69.863.057.036
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		352.764.819	(5.658.631.680)	2.273.561.125	8.480.410.180
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		112.417.827.133	141.355.342.973	320.453.339.550	489.410.718.134
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.8	28.438.327.960	35.947.037.402	79.071.586.314	118.915.007.614
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62			184.623.786	2.515.294.577	2.515.294.577
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		83.979.499.173	105.223.681.785	238.866.458.659	367.980.415.943
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(329.749.219)	(1.561.762.329)	1.636.127.912	3.351.503.650
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		84.309.248.392	106.785.444.114	237.230.330.747	364.628.912.293
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.9				

Người lập biểu



Lê Thành Hưng

Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 11 năm 2011
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Tuấn